

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MANG THÍT
TỈNH VĨNH LONG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 18/2021/HNGĐ- ST
Ngày: 13- 4- 2021
V/v Tranh chấp L hôn, nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MANG THÍT- TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Vĩnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Phẩm.
2. Ông Nguyễn Đình Cường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thúy Duy, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mang thít, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Không.

Ngày 13 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mang thít, tỉnh Vĩnh Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 268/2021/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp L hôn, nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Nguyễn Thị Khánh L, sinh 1981. Địa chỉ: ấp Định K A, xã An Q, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long. Tạm trú: ấp Gò Ân, xã Tân An Luông, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

2. *Bị đơn:* Võ Minh T, sinh 1981. Địa chỉ: ấp Định K A, xã An Q, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long- vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18/9/2020, nguyên đơn Nguyễn Thị Khánh L trình bày:

Năm 2002, chị Nguyễn Thị Khánh L và anh Võ Minh T kết hôn theo phong tục tập quán. Nhưng trước, sau kết hôn cho đến nay chị L và anh T không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn chị và anh

sống tại ấp Định K A, xã An Q, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long. Chị và anh sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2013 thì mâu thuẫn phát sinh, thường xuyên gay cãi. Nguyên nhân là do anh T thường xuyên say sưa và vô cớ đánh đập, hành hạ chị L. Chị L đã về cha mẹ ruột tại ấp Gò Ân, xã Tân An Luông, huyện Vũng Liêm sinh sống và L thân với anh T từ tháng 5/2020 cho đến nay. Đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không thể đạt được, chị L khởi kiện xin L hôn với anh T.

Chị L và anh T có một con chung là cháu Võ Minh T, sinh ngày 13/4/2003, hiện đang do chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Khi L hôn, chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T. Chị L không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Chị L không yêu cầu chia tài sản chung, không yêu cầu chia nợ chung.

Anh T đã được T báo hợp lệ nhiều lần T báo thụ lý vụ án, T báo về các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Nhưng anh T không tham dự các phiên họp, Tòa án không tiến hành hòa giải vấn đề nuôi con chung, chia tài sản chung. Nên đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm.

Tại phiên tòa, chị L giữ nguyên câu nêu trong xin L hôn với anh T. Chị L xác định cháu T đã đủ 18 tuổi và đủ khả năng lao động nuôi sống bản thân, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi dưỡng và cấp dưỡng nuôi cháu T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

1.1. Chị Nguyễn Thị Khánh L khởi kiện xin L hôn và nuôi con đôi với anh Võ Minh T. Anh T có nơi cư trú tại ấp Định K A, xã An Q, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long. Tòa án nhân dân huyện Mang Thít xác định tranh chấp L hôn và nuôi con, thụ lý giải quyết sơ thẩm là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

1.2. Anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần để tham dự phiên tòa. Lần thứ nhất niêm yết vào ngày 30/3/2021, lần thứ hai bàn giao trực tiếp vào ngày 30/3/2021. Nhưng anh T không tham dự các phiên tòa, nên tiến hành xét xử vắng mặt anh T là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

2.1. Quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh T được xác lập sau ngày 03/01/1987, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình. Nên quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh T là không hợp pháp. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh chị L khởi kiện xin L hôn với anh T. Anh T đã được T báo hợp lệ T báo thụ lý giải quyết vụ án; T báo về các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; triệu tập tham dự phiên tòa lần thứ hai. Nhưng anh T đều vắng mặt và không ý kiến phản bác

ý kiến yêu cầu của chị L nêu trong đơn khởi kiện đề ngày 18/9//2020. Điều này cho thấy, anh T đã thừa nhận ý kiến và yêu cầu của chị L nêu trong đơn khởi kiện đề ngày 18/9//2020 là đúng sự thật. Chứng minh được mục đích hôn nhân giữa chị L và anh T không thể đạt được. Nên chị L khởi kiện xin L hôn anh T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên có căn cứ chấp nhận.

Tuy nhiên, do quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh T không hợp pháp, nên áp dụng khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình, tuyên bố không công nhận chị L và anh T là vợ chồng là đúng pháp luật.

2.2. Hiện cháu Nguyễn Minh T đã đủ 18 tuổi và đủ khả năng lao động để nuôi sống bản thân. Chị L không yêu cầu giải quyết việc trực tiếp nuôi dưỡng và cấp dưỡng cháu T. Nên không xét.

2.3. Chị L không yêu cầu chia tài sản chung, không yêu cầu chia nợ chung. Nên không xét.

[3]. Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, buộc chị L nộp 300.000đ án phí hôn nhân sơ thẩm là đúng quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và điểm b khoản 2 Điều 27 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Án dụng khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyễn Thị Khánh L:

1. Hôn nhân:

Không công nhận chị Nguyễn Thị Khánh L và anh Võ Minh T là vợ chồng.

2. Con chung: Cháu Nguyễn Minh T, sinh ngày 13/4/2003 đã đủ 18 tuổi và đủ khả năng lao động nuôi sống bản thân. Nên không xét việc trực tiếp nuôi dưỡng và cấp dưỡng nuôi cháu T.

4. Chia tài sản chung, chia nợ chung;

Chị Nguyễn Thị Khánh L không yêu cầu giải quyết. Nên không xét.

5. Án phí hôn nhân sơ thẩm:

Buộc chị Nguyễn Thị Khánh L nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng).
Chị L được khấu trừ từ 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp
tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mang Thít ngày 01/10/2020, lai số
0003086.

T hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành
án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có
quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án
hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi
hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30
Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm. Tuyên án có mặt nguyên đơn Nguyễn Thị
Khánh L, báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm)
ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn Võ Minh T vắng mặt, báo cho biết có
quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được
bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Mang Thít;
- UBND xã An Q;
- Dương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đã ký

Huỳnh Văn Vĩnh